TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-PT
Ngày 21-12-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Dũng

Bà Trần Thị Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 và ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2023/QĐ-PT ngày 25/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 80/2023/QĐ-PT ngày 12/6/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 33/2023/QĐPT-DS ngày 29/6/2023 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 802/TB-TA ngày 22/11/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Trà M – sinh năm 1995; cư trú tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

***** *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Phạm Thị Bích C và Luật sư Nguyễn Công T – Công ty L; địa chỉ: Số A đường Đ, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ liên hệ: Số A đường L, phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N – sinh năm 1989; cư trú tại thôn T, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

***** *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

1. Ông Đào Duy K và ông Nguyễn Thanh C1 – Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Ông Thiều Quang V – Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Tổ E, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Chị Hồ Thị Trà M - là nguyên đơn.

(Chị Hồ Thị Trà M, Luật sư Phạm Thị Bích C, anh Nguyễn Văn N, Luật sư Đào Duy K và Luật sư Nguyễn Thanh C1 có mặt tại phiên tòa ngày 29/6/2023. Chị Hồ Thị Trà M và Luật sư Phạm Thị Bích C có mặt tại phiên tòa ngày 21/12/2023; anh Nguyễn Văn N, Luật sư Đào Duy K, Luật sư Nguyễn Thanh C1, Luật sư T1 và Luật sư Nguyễn Công T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Hồ Thị Trà M trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn N không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên vào ngày 13/8/2019 trên tinh thần tự nguyện. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc và có 01 con chung. Do tính chất công việc nên chị về nhà mẹ đẻ tại huyện P, tỉnh Phú Yên để sinh sống, còn anh N và cháu Nguyễn Thiện N1 sống với cha, mẹ chồng của chị tại huyện L, tỉnh Quảng Ngãi. Do vợ chồng không sống gần nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể nào hàn gắn được. Nay, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh N, không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiện N1 - sinh ngày 19/8/2019. Hiện cháu N1 đang sống cùng anh N. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N1; không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại Bản tự khai ngày 26/4/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, anh thống nhất như trình bày của chị Hồ Thị Trà M. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đầm ấm và có 01 con chung. Tuy nhiên, sau khi kết hôn thời gian ngắn, chị M vì công việc và gia đình nên chị M về sống với cha, mẹ đẻ ở Phú Yên cho đến nay; còn anh và cháu N1 sống với cha, mẹ anh ở L. Vì vợ chồng không sống chung với nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt, không ai quan tâm đến ai và đến nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục. Do đó, chị M yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung như chị M trình bày. Hiện cháu N1 đang sống cùng anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N1; không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại Bản án số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Hồ Thị Trà M và anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiện N1 - sinh ngày 18/9/2019 cho anh N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh N xác định không có, nên không xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

** Ngày 30/3/2023 và ngày 06/4/2023, chị Hồ Thị Trà M có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung:* Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cháu Nguyễn Thiện N1 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì giữa anh Nguyễn Văn N và cháu Nguyễn Thiện N1 không có quan hệ huyết thống.

* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị M; xác định cháu N1 không phải là con chung của chị M và anh N; giao cháu N1 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến tranh luận tại phiên tòa ngày 29/6/2023, Bản luận cứ ngày 21/12/2023 và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật định là hợp lệ theo quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 11/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 11/3/2023, Tòa án nhân dân huyện L xét xử vụ án. Ngày 30/3/2023, chị Hồ Thị Trà M có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn là chị Hồ Thị Trà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiện N1 - sinh ngày 19/8/2019 vì giữa anh Nguyễn Văn N và cháu N1 không có quan hệ huyết thống, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị M trình bày giữa chị và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiện N1 - sinh ngày 19/8/2019. Tuy nhiên, ngày 14/7/2022 chị M có Đơn đề nghị giám định ADN giữa anh N và cháu N1 để xác định quan hệ huyết thống. Ngày 08/8/2022, Tòa án nhân dân huyện L có Quyết định trưng cầu giám định số 01/2022/QĐ-TCGĐ nhưng do không thu được mẫu của anh N và cháu N1 nên không thực hiện được việc giám định.

[2.2] Ngày 28/7/2023, chị M tiếp tục có đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định ADN. Ngày 15/9/2023, Tòa án có Quyết định trưng cầu giám định, nhưng anh N không đưa cháu N1 đến để nhân viên của Viện công nghệ A và phân tích di truyền thu mẫu của anh N và cháu N1 để trưng cầu giám định. Ngày 03/10/2023, chị M có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, buộc anh N phải thực hiện hành vi cung cấp mẫu giám định của anh N và cháu N1. Ngày 06/10/2023, Tòa án có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2023/QĐ-BPKCTT buộc anh N phải thực hiện hành vi cung cấp mẫu giám định của anh N và cháu N1 để nhân viên thu mẫu của Viện công nghệ A và phân tích di truyền thu mẫu. Tuy nhiên, theo Công văn số 257/CCTHADS ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi về việc thông báo kết quả thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thể hiện anh N và cháu N1 không có mặt để nhân viên thu mẫu phục vụ cho việc giám định theo thông báo của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Sơn, nên chưa có cơ sở xác định anh N và cháu N1 có cùng quan hệ huyết thống hay không.

[2.3] Theo Công văn số 10/2023/CV-Gentis HCM ngày 17/8/2023 của Công ty cổ phần D - Chi nhánh phía Nam về việc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan kết quả phân tích ADN số KQ 1922441 ngày 21/12/2019 cho Tòa án (viết tắt là Công văn số 10) và các tài liệu kèm theo, thể hiện: *Ngày 17/12/2019, anh Nguyễn Văn N đến Văn phòng G; địa chỉ số A đường L, quận N, thành phố Đà Nẵng có nhu cầu xét nghiệm ADN tự nguyện nhằm mục đích giải tỏa nghi ngờ. Bà Dương Thị Hồng N2 được G phân công hướng dẫn thủ tục điền phiếu yêu cầu phân tích ADN và thực hiện việc thu nhận mẫu từ anh Nguyễn Văn N cung cấp, cụ thể thông tin mẫu nhận như sau: Nguyễn Văn N (32 tuổi): mẫu máu; Nguyễn Thiện N1 (4 tháng tuổi): mẫu máu, mẫu niêm mạc miệng và mẫu móng……. Sau khi G và G1 hoàn thiện các thủ tục kiểm tra thông tin phiếu yêu cầu xét nghiệm*

ADN đầy đủ thông tin khớp với thông tin mẫu mà anh N cung cấp. Kết quả xét nghiệm đã được G1 trả lời trong Phiếu kết quả xét nghiệm ký ngày 19/12/2019 (mã số KQ 1922266). Sau khi nhận kết quả, anh N có yêu cầu thực hiện tiếp xét nghiệm trên các mẫu còn lại. Kết quả xét nghiệm đã được G1 trả lời trong Phiếu kết quả xét nghiệm ký ngày 21/12/2019 (mã số KQ 1922441)..... Các tài liệu này phù hợp với lời trình bày của chị M là khi chị và anh N còn đang chung sống với nhau, anh N đã tiến hành giám định ADN của anh N với cháu Nguyễn Thiện N1 tại Trung tâm G. Mặc dù, Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 19 và ngày 21/12/2019 (mã số KQ 1922266 và KQ 1922441) đều kết luận anh N và cháu N1 không có quan hệ huyết thống cha – con, nhưng tại phần ghi chú của Phiếu kết quả phân tích ADN nói trên có nội dung: *Đây là xét nghiệm theo yêu cầu cá nhân, không phải do cơ quan tố tụng trưng cầu, nên không được sử dụng kết quả trong tố tụng.*

[2.4] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị M đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để cung cấp mẫu của người mà chị M cho rằng là cha đẻ của cháu N1 để thực hiện việc giám định. Tuy nhiên, người mà chị M cho rằng là cha đẻ của cháu N1 chưa tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm và đây là quan hệ pháp luật tranh chấp khác, chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét, giải quyết do vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận tạm ngừng phiên tòa theo đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị M.

[2.5] Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá để xác định cháu N1 có phải là con chung của anh N và chị M hay không. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định cháu N1 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị M và anh N, nên xác định cháu N1 là con chung của chị M và anh N là chưa có cơ sở vững chắc. Do đó, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự theo quy định của pháp luật, cần hủy bản án sơ thẩm về phần con chung, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Tại cấp sơ thẩm, chị M và anh N thống nhất tự nguyện ly hôn, không thống nhất về việc người nào có quyền trực tiếp nuôi con, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh N là không đúng quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị M và anh N cho chính xác.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thuận tình ly hôn, nhưng lại tuyên chị M tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân là không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị M và anh N mỗi người chỉ phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, chị M tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0000869 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện L. Số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm còn lại được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy một phần bản án sơ thẩm về phần con chung, nên chị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Hoàn trả lại cho chị M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0005254 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lý Sơn.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị M không phù hợp với nhận định trên, nên không được chấp nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Hồ Thị Trà M và anh Nguyễn Văn N.

2. Hủy một phần bản án số 01/2023/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyệnL, tỉnh Quảng Ngãi về phần con chung. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị Trà M và anh Nguyễn Văn N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Trà M tự nguyện chịu 150.000 đồng *(một trăm năm mươi ngàn)* án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn)* theo Biên lai số 0000869 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Số tiền 150.000 đồng *(một trăm năm mươi ngàn)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm còn lại được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Hồ Thị Trà M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Hồ Thị Trà M 300.000 đồng *(ba trăm ngàn)* tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0005254 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thu Lan